

VÀI NÉT VỀ THƠ NHẬT BẢN

Th.S. LÊ TỬ HIỂN - NGUYỄN NGUYỆT TRINH
Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn

1. Trên mảnh đất phương Đông trăm mặc, với dãy Hymalaya hùng vĩ và sông Hằng cuộn sóng, Trường Giang bao la, nơi những thiết chế xã hội được lập ra dựa trên giáo lý và dư luận hơn là luật pháp, suốt một thời gian dài tiếng nói tình cảm riêng tư nhòe lẫn vào tiếng nói của lý tưởng, cộng đồng. Nhưng có một mảnh đất bé nhỏ mà màu hoa anh đào mờ phai lẫn trong tuyết trắng như “xứ sở của mây”, ở đó mọc lên những đóa thơ tinh nhã, u lệ, dịu dàng xung tưng tình yêu, và nhà thơ vừa là thiền sư vừa là tình nhân say đắm. Vượt ra những tởa chiết của xã hội, thơ ca Nhật Bản là hợp âm du dương của trái tim, hòa ca của những nghịch dị, những hồn thơ phức cảm.

2. Trong cuộc hành trình đi tìm cái đẹp, thơ Nhật Bản càng đi đến sự tinh giản về hình thức thì càng đạt đến nội dung sâu thẳm. Từ trường ca đến *tanka* (31 âm tiết) và cuối cùng là *haiku* (17 âm tiết), có thể nói thơ “đã tìm ra được hình thức vừa vặn của mình”. Trong thể thơ vừa cô đọng vừa tự do, thơ ca đã tìm đến tận cùng của u huyền, từ những điều giản dị, những sự vật bé nhỏ toát ra lẽ huyền vi của Tạo hóa.

2.1. Khác với đặc trưng của thơ Thiên phương Đông là đạt đến chân như, an nhiên, tĩnh tại, thơ ca Nhật Bản đi đến cùng của tịch diệt, chân không với những cảm giác *sabi* (tịch), *wabi* (đà), *yugen* (u huyền) và *Karumi* (khinh) nhưng vẫn mang nặng một niềm *bi cảm* (aware). Tâm Thiền mà vẫn dễ dàng vọng động, xao xuyên trước vẻ đẹp vô

thường của thế gian. Một cánh chim là bay lướt vào hoàng hôn, một đóa triêu nhan vừa nở cũng đủ làm thi nhân rơi lệ. Thơ chất đầy nỗi buồn, sâu muộn, những giọt nước mắt, những tiếng thở dài thật sâu từ lồng ngực, và motip ống tay áo dầm ướt trở đi trở lại như một niềm giao cảm sâu nặng giữa con người với thế giới vô thường. Với một cảm thức rõ ràng, nhà thơ nắm bắt vẻ đẹp thoáng qua, trong khoảnh khắc bừng sáng rồi vụt mất. Hồn thơ *Haiku* chứa đựng một phức hợp cảm hứng dường như mâu thuẫn giữa sự bình yên thanh thản của tâm hồn, lòng yêu say cuộc sống và sự bi cảm của thế giới vô thường. “*Một bông hoa sắc trắng - Nhìn qua khe giàu thưa - Một mùa xuân sắp vắng*”... (Buson). Thế giới thơ ca Nhật là thế giới của những vẻ đẹp mong manh, hư ảo - như một làn sương chập chờn trên màu hoa anh đào. Cái đẹp là điều mà người Nhật kiếm tìm, và cùng với võ đạo, hoa đạo, trà đạo, thơ ca cũng là một “đạo” (*michi*) nhưng lại đầy quyến rũ trần thế. Sự hòa điệu quyến rũ lạ lùng ấy ta chỉ bắt gặp một lần trong tôn giáo Ấn, như K. Mark nhận xét: Ở Ấn Độ có hai thứ tôn giáo, “tôn giáo của tầng lớp đồng thời cũng là tôn giáo của vũ nữ”⁽¹⁾

2.2. Nhưng nếu văn học Ấn mang vẻ đẹp trăm mặc, tráng lệ của sử thi với dòng cảm xúc mãnh liệt cuộn chảy như Hằng Hà thì thơ ca Nhật Bản lại là sự lên ngôi của những sự vật tế vi. Với ngòi bút ảo diệu “qua giọt nước thấy trời xanh”, mỗi sự vật nhỏ nhoi ôm trong nó cả vũ trụ vô cùng. Soi chiếu qua thế giới của

những bụi cám, con sâu, con cá, đế mèn" vũ trụ lung linh kỳ diệu: "Đón ngã cây - Nhìn vào phiến gỗ - Ôi trăng đêm này" - "Ôi những hạt sương - Trần châu từng hạt - Hiện hình cố hương"... Những sự vật tầm thường, bé mọn như con ếch, con sâu, con chuột" vẫn tự tại, ung dung trong đại vũ trụ: "Ao cũ - Con ếch nhảy vào - Vang tiếng nước xao" (Basho), "Bên dòng Samuda - chú chuột kia uống nước - Mưa mùa xuân pha" (Issa)" Ôm chứa trong những bài thơ nhỏ gọn là những sự vật nhỏ bé, nhưng đạt đến sự hòa điệu giữa thế giới vi mô và vĩ mô, tầm thường và tinh diệu, cát bụi và ánh sáng" Vượt ra những ước lệ, tượng trưng của thi pháp thơ trung đại, chạm đến cõi huyền nhiệm của tâm linh là một vẻ đẹp riêng biệt của thơ ca Nhật Bản. Thơ vì thế bao giờ cũng dung dị nhẹ nhàng, hồn nhiên, tươi tắn, nguyên khôi như chính bản thân cuộc sống.

2.3. Mỗi nhà thơ, trong thế giới nội tâm sâu thẳm cũng mang đầy những nghịch dị, vừa chạm đến cõi thâm áo của Thiên, vừa vương tục lụy. Thi nhân vừa là triết nhân vừa là tình nhân, thơ ca vừa là u tịch siêu thoát vừa đam mê phóng túng. Họ viết nên những bài thơ đạt đến tịch độ - chân không, vươn tới sự hòa nhập giữa tiểu ngã - đại ngã, đón nhận cái chết an nhiên như một quy luật hằng thường. Nhưng thơ ca cũng đầm đìa những giọt lệ bi hoài. Đối mặt với nỗi mất mát những người yêu thương nhất, người mẹ, người vợ, con cái... họ không có cái đứng khi gờ bờn của Trang Tử. Họ cất tiếng khóc đau xót, vẫn thơ nặng trĩu hệ lụy trần gian. Tiêu biểu nhất là tiếng thơ của Issa⁽²⁾ - tiếng thơ của người đã nếm trải mọi nỗi đau nhân thế: mồ côi mẹ, mất 5 đứa con, người vợ yêu cũng lìa đời. Lời thơ là tiếng gọi ghen lời, tiếng khóc xót

xa: "Ôi biển khơi - Khi tôi nhìn thấy biển - Mẹ tôi ơi!"; "Còn trùng ơi, đừng kêu - Trên trời cao ấy - Chia lìa đôi lứa yêu"... Niềm đau mất con đã khiến cái nhìn Issa trở thành ảo ảnh, trần gian đầy trẻ thơ, mang hình bóng những đứa con đã mất của Issa. Thế giới "Trăng non" Tagor dựng lên khi mất con cũng tràn ngập tiếng bập bẹ thơ ngây, những ảnh hình trong trẻo, thế giới tuổi thơ. Nhưng cũng chính Issa khi đối mặt với cái chết của bản thân trong nhà kho tâm tối, ngập tuyết, lại đón nhận nó đầy hàm ơn, thanh thản "Muôn phần tri ân - Chấn giường tôi tuyết trắng - Từ Tịch Độ rơi sang". Đây là một bài thơ đạt đến tâm thức của Thiên. Nói như John Stevens - Issa giống người cùng thời Ryookan (1758 - 1831), "vẫn giữ được lòng nhân hậu, thương yêu đối với muôn người và muôn vật", người thơ - đời thơ "tươi mát, thanh thoát, chân thật". Ấy là "sự ngu ngốc thần thánh"⁽³⁾.

Hòa mình vào vạn vật là một tinh thần sâu thẳm của Thiên. Những thi nhân - thiên sư Nhật Bản đã đạt đến sự hóa thân màu nhiệm ấy để đạt đến vẻ đẹp Á Đông, "một trong tất cả và tất cả trong một", cái bí ẩn mà giản dị của vẻ đẹp hài hòa giữa cánh hoa anh đào và núi Phú Sĩ trong "hòa ca của những nghịch dị" (waka - hòa ca = thơ của người Nhật). Nhận xét "cách tư duy của nhà thơ Thiên" tác động đến "cấu trúc thơ Haiku của Basho, T.P. Grigoriêva viết "Hình tượng của Haiku về một vòng cung xóa nhòa khoảng cách, hợp nhất những cấp độ dường như không dung hợp nhau được: bộ phận với toàn thể, đơn nhất với thống nhất, cụ thể với trừu tượng, chi tiết tỏa ra từ phong cách chung, với tâm trạng vũ trụ. Hình tượng được biểu hiện trong 17 âm tiết, trong ba, bốn từ cho thấy tính tương đối của tất cả các giới hạn"⁽⁴⁾. Tất nhiên - nói như

Suzuki - "Haiku là Haiku và Thiên là Thiên. Haiku có mảnh đất riêng của mình, đó là thơ ca, nhưng nó cũng tham dự vào cái gì đấy của Thiên... ví dụ như bài thơ sau đây của Basho đã thể hiện một cảm xúc tinh tế của Thiên và Haiku, cả tính nhân loại trong phong cách tác giả: "*Dưới cùng một mái nhà - Các du nữ ngủ - Trăng và đỉnh hương*"⁽⁵⁾. Hãy nghe Ryokan ca hát: "*Vô tâm hoa mời bướm - Vô niệm bướm mời hoa - Hoa nở thì bướm đến - Bướm về thì khai hoa*".... Nhưng từ đây sâu tâm hồn vẫn bắt gặp một niềm bi cảm, một nỗi cô đơn rợn ngợp. Vị thánh thơ Basho, người hành giả giữa ánh sáng và cát bụi, đã đi đến tận cùng "*Con đường sâu thẳm*", nhưng vẫn còn có những khoảnh khắc thăng thốt cô đơn: "*Hoa triêu nhan ơi - Giữa ngày cổng khóa - Chỉ còn em thôi*"; "*Hoa triêu nhan ơi - Cả em rồi cũng - Chẳng là bạn tôi*"... Lời thơ vang vọng nỗi niềm xao xuyến không sao ngăn được nỗi đời vô thường, như một biến điệu giữa bản hòa ca, nhưng không hề lạc điệu. Những tâm hồn hướng về siêu thoát vẫn phập phồng nhịp đập trần gian, đọng lại trong trái tim người.

2.4. Thơ tình phương Đông thời trung đại hiếm hoi và rụt rè, nhưng thơ ca Nhật Bản lại là một vương quốc của tình yêu - những vần thơ yêu dịu dàng và say đắm, rạo rực như rượu sakê, âm vang từ những tâm hồn phức cảm. Như đã nói, nhà thơ vừa là thiền sư vừa là tình nhân say đắm. Không ở đâu như thế, có một sự dung hợp kỳ lạ giữa Thiên - vốn thoát tục - và tình yêu - vốn đầy trần thế, tạo thành những "*bài thơ tình ngát hương thiên vị*" và những bài thơ "*Thiên ngáy ngáy tình yêu*". Ở đó, một nhà thơ tình đam mê "bản tình nồng nàn, cuồng nhiệt, mê hoặc" - tác giả của hàng trăm bài thơ tình

say đắm - lại cũng được đánh giá là tác giả của bài đạo ca vĩ đại nhất đương thời: "*Từ bóng tối tôi đi - Vào con đường tăm tối - Nhưng đằng xa kia - Trên triền núi - Ánh trăng lên' diệu kỳ*" (Izumi). Ngược lại, một thiền sư đạt đến tinh thần Thiên tông sâu thẳm, cũng viết những bài thơ cuồng nhiệt - "bài thơ mà tôi thích... với kết thúc bằng một câu thật hể hả"⁽⁶⁾. "*Tôi không biết - Nàng sẽ đến bao giờ - Nay thì đã có - Cuộc đời bên nhau - Chẳng cần chi nữa*" (Ryokan). Có thể nói như S.Kato khi nhận xét về "*Cuồng vận tập*" của Ikkyu (1394 - 1481): "*Thiên và tình yêu chỉ là một mà thôi*" - "*Nếu người con gái ấy - Hẹn chiều nay đến tôi - Cây liễu già sống lại - Và nở hoa xuân rồi*". Chính vì vậy mà Kawabata đánh giá trong thơ Ikkyu "Có những bài thơ hay không gì có thể so sánh được trong lĩnh vực thơ văn Thiên của suốt thời Trung cổ Nhật Bản. Lại có những bài thơ kêu gọi nhục cảm, những bài thơ về bí mật phòng loan khiến ta phải vô cùng kinh ngạc"⁽⁷⁾.

Những nghịch dị, phức cảm cũng đan cài trong mỗi bài thơ: "*Tiếng gà gáy - Báo hiệu tình mơ - Cho chiếc gối thương nhớ - Giác mộng dài hư vô*" (Shokushi), "*Rêu phủ mờ - Mái hiên rục rắng - Hoa cam đường mùa - Tặng bào màu rêu tối - Thơm tay áo người xưa*" (Seigan). Ở bài thơ thứ nhất, hình ảnh "*Chiếc gối thương nhớ*" lại là một cảm thức tôn giáo, cũng như ở bài thơ thứ hai, cái kỳ ảo của tình yêu sống dậy bừng sáng trong mùi hương hoa cam lại hòa hợp kỳ lạ với cái an nhiên thanh thoát của Thiên.

Sự dung hợp ấy khoác lên thơ ca màu sắc lung linh màu nhiệm: dịu dàng, tinh tế mà say đắm thiết tha, đam mê mà thanh thoát, siêu thoát mà trần thế... Trong những bài thơ viết về nỗi đợi chờ - hết sức phong phú và đẹp đẽ trong thơ ca

của đất nước mặt trời mọc - là sự hòa hợp sâu thẳm giữa nhịp tim rạo rục và nhịp điệu của vũ trụ vô cùng : "Tôi đi đây - Nhưng nếu em đợi - Như cây thông gãy - Đứng trên đỉnh núi - Tôi lại về ngay" (Yukihira), "Trong khi chờ em - Dòng sông Ngân ấy - Vọng tiếng con thuyền - Mái chèo khuấy sóng - Mơ hồ nửa đêm" (Hitomaro)"Thơ mang đậm tinh thần của sự dung hợp kỳ diệu thiên nhiên - tâm hồn. Bài thơ đầu tiên của xứ sở Phù Tang - theo huyền thoại là một bài thơ về tình yêu: "Đứng lên tám lớp mây - Tám hàng phen đậu - Trên xứ Irumo - Che người yêu dấu - Tám hàng phen xây"... - Từ buổi đầu tiên tình yêu đã mang bản chất của mây - huyền ảo.

3. Đúng như nhận xét, thơ ca Nhật Bản "Hồn nhiên và tinh tế, đơn sơ và lộng lẫy, trào lộng và bi đát, tục lụy và linh thánh, nhỏ nhẹ và bao la...", đó là hòa ca của những nghịch dị, những tâm hồn phức cảm...

Tâm hồn Nhật Bản - hòa ca những nghịch dị, phức cảm ấy rất khác tính chất thuần nhất trong thơ ca hai nước "đồng văn đồng chủng: Việt Nam và Trung Quốc. Tính chất ấy bắt nguồn sâu sắc từ tâm thức, tính cách Nhật - những yếu tố tương phản, đối lập hiện lên rõ nét như sự dung hòa nét mong manh của cánh anh đào trên cái nền hùng vĩ của Phú Sĩ. Lý giải sự khác nhau giữa ba nước, nhấn mạnh tính dung hợp những nghịch dị ở Nhật Bản, có thể tham khảo ý kiến của giáo sư Vĩnh Sính - Việt Nam đề kháng xâm lăng quân sự và chấp nhận thế giới quan, khuôn mẫu văn hóa Trung Hoa. Còn Nhật Bản khác hẳn - đứng ngoài vòng cương tỏa, có "mối liên hệ kính nể // phủ nhận"...⁽⁸⁾

Vẻ đẹp của văn hóa Nhật Bản là vẻ đẹp của sự đối lập, là kiểu mẫu của thâu

hóa, dung hợp" tạo thành một bản sắc độc đáo về cái đẹp thơ ca. Vẻ đẹp ấy còn lưu giữ mãi đến ngày nay với Yasunari Kawabata (1899-1972) - người tự nhận là một lữ khách ưu sầu trên đường đời, người thể hiện những vẻ đẹp truyền thống của Nhật Bản thành công hơn cả.

CHÚ THÍCH VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

(1) *Tuyển tập Mạc-Anghen I*, NXB Sự thật, H. 1962, tr.547

(2) Kobayashi Issa (1763-1827) cùng Matsuo Basho (1644-94), Taneguchi Busin (1715-83) và Masaoka Shiki (1866-1902) là "tứ trụ" của thơ Haiku (*Satori in 17 Syllables* - By Dr Satya Bhushan Verma)

(3) *Các nhân vật lịch sử lớn của Nhật Bản* (*Great Historical Figures of Japan* - Tokyo, 1978) - Dẫn theo T/c Văn học số 8-1995, Tr.9- Ngân Xuyên dịch.

(4) *Thiền trong thơ Haiku Nhật Bản* - T/c Văn học số 4-1992, Tr.61- Ngân Xuyên dịch.

(5) Daisetz T.Suzuki - *Zen and Japanese Culture* - New York, Bollingen, 1970-P.228-229.

(6) Yasunari Kawabata - "*Tôi thuộc về vẻ đẹp Nhật Bản*" - Lời phát biểu trong lễ trao giải Nobel (1968).

(7) Yasunari Kawabata - "*Đất Phù Tang, cái đẹp và tôi*" Sài Gòn, lá Bối, 1969, tr.32 - Cao Ngọc Phương dịch.

(8) Vĩnh Sính (Giáo sư Đại học Alberta, Canada) - "*Việt Nam và Nhật Bản - Giao lưu văn hóa*" - NXB Văn nghệ. TP HCM - Trung tâm Nghiên cứu Quốc học-2001, tr.35.